TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 251/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2020
V/v ly hôn giữa chị H và anh S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Thanh Hải
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 165/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thuận H, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp 5, xã TH, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ "có mặt"

2. Bị đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp 5, xã TH, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 27/4/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thuận H trình bày: Chị và anh S xác lập hôn nhân năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi vã bất hòa, anh chị nhiều lần tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S thật sự không còn nên chị H xin ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 03/9/2004 và Lê Thành Đ, ngày 10/02/2007, con đang sống cùng mẹ.

Về chia tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn S được triệu tập hợp lệ tiến hành hòa giải nhưng vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh S. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Anh S vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Cho chị H và anh S ly hôn. Con chung: Đề nghị giao cho chị H nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh S là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S xác lập hôn nhân năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cải vã bất hòa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S thật sự không còn nên chị xin ly hôn. Quá trình tố tụng anh S vắng mặt. Tuy nhiên tại biên bản ghi khai ngày 01/7/2020 anh S xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cải vã, vợ chồng sống ly thân hơn 01 năm nay, anh không đồng ý ly hôn, nhiều lần đề nghị chị H về nhà tiếp tục chung sống nhưng chị H không đồng ý. Xét thấy, quá trình chung sống giữa chị H và anh S nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nhưng không có biện pháp khắc phục. Hiện tại vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mỗi người đều có cuộc sống

riêng nên chị H xin ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung anh S đồng ý giao cho chị H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Không có.

[2.**4]** Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thuận H phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Thuận H đối với anh Lê Văn S.

Cho chị Huỳnh Thị Thuận H ly hôn với anh Lê Văn S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thành Phát, sinh ngày 03/9/2004 và Lê Thành Đạt, ngày 10/02/2007 cho chị H nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh S được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thuận H phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 013120 ngày 27/5/2020.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn; vắng bị đơn.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CĐ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Viễn